

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/DS-ST**
Ngày: 23-3-2022
V/v tranh chấp HĐ dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Đê

Ông Trần Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị NĐ, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang; (có mặt)

2- *Bị đơn:* Bà Tống Thị BĐ, sinh năm 1966 và ông Nguyễn Văn BĐ2, sinh năm 1956. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang; (vắng mặt).

(Có con ruột ông BĐ2, bà BĐ là anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp 7X, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang tham dự phiên tòa theo yêu cầu của bà BĐ, ông BĐ2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01-3-2021 và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị NĐ trình bày và yêu cầu: ngày 06/01/2019al vợ chồng ông BĐ2, bà BĐ có hỏi vay của bà 30 chỉ vàng 24k (loại 9999). Hai bên thỏa thuận lãi suất mỗi năm là 12 chỉ vàng 24k; việc giao dịch có làm giấy tay.

Sau đó vợ chồng bà BĐ trả được 1 năm lãi bằng 12 chỉ vàng 24k; sau đó không trả.

Bà NĐ khởi kiện yêu cầu bà BĐ và ông BĐ2 trả cho bà 30 chỉ vàng 24k (loại 9999).

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Tống Thị BĐ trình bày: Thừa nhận bà và chồng là ông BĐ2 có vay của bà NĐ số vàng 30 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 vào ngày 06/01/2019a; thỏa thuận lãi mỗi năm là 12 chỉ. Sau khi vay bà BĐ có trả lãi được 1 năm (từ 06/01/2019a đến ngày 06/01/2020a) là 12 chỉ vàng 24k.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà NĐ, bà BĐ đồng ý trả lại số vàng gốc 30 chỉ vàng 24k, loại 9999 nhưng xin trả dần mỗi năm trả 5 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà NĐ giữ nguyên yêu cầu bà BĐ, ông BĐ2 trả số vàng là 30 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999. Không thống nhất phương án trả dần mà bị đơn và con đưa ra tại phiên tòa.

- Anh T (con ông BĐ2, bà BĐ): Cha mẹ đồng ý trả 30 chỉ vàng 24k nhưng xin trả dần. Cụ thể tháng 7/2022 trả 4 chỉ; tháng 2/2023 trả 4 chỉ và cách thời gian như thế sẽ trả mỗi lần 4 chỉ cho đến khi hết nợ; anh T xác định nếu bà NĐ cho trả dần như ý kiến của bên ông BĐ2 thì anh sẽ đứng ra cùng trả nợ, nếu cha mẹ anh không trả thì anh sẽ trả cho bà NĐ như thỏa thuận.

- *Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà NĐ trình bày được bà BĐ thừa nhận đủ cơ sở xác định bà BĐ, ông BĐ2 còn nợ bà NĐ số vàng là 30 chỉ vàng 24k. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vàng vay. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn là tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do tình hình dịch bệnh covid-19 kéo dài bà BĐ đang làm thuê ở Đồng Nai không về được và xin

dời ngày mở phiên tòa nhiều lần và đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay bà BĐ, ông BĐ2 không tham dự phiên tòa nhưng có xin cho con là Nguyễn Văn T tham dự phiên tòa. Vì vậy HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn bà NĐ trình bày được bị đơn bà BĐ, ông BĐ2 thừa nhận và phù hợp với các chứng cứ nên đủ cơ sở xác định: vào ngày 06/01/2019 al ông BĐ2, bà BĐ có vay của bà NĐ 30 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999; lãi suất 30 chỉ vàng mỗi năm là 12 chỉ vàng 24k; khi vay có viết biên nhận. Sau đó bên bà BĐ trả lãi được 1 năm bằng 12 chỉ vàng 24k. Bà NĐ khởi kiện yêu cầu bà BĐ và ông BĐ2 trả số nợ gốc là 30 chỉ vàng 24, bà BĐ ông BĐ2 đồng ý trả; nhưng các bên không thống nhất được phương thức trả nợ nên không có cơ sở ghi nhận. Như vậy ông BĐ2, bà BĐ là bên vay nhưng không thanh toán đủ tài sản vay cho bên bà NĐ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó bà NĐ khởi kiện yêu cầu ông BĐ2, bà BĐ trả nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Pháp luật hiện hành không cho phép cá nhân cho vay vàng. Tuy nhiên bên cho vay chỉ đòi gốc nên HĐXX chấp nhận. Đối với số vàng lãi mà bên vay đã trả do bên vay không yêu cầu (dù Tòa án đã giải thích) nên không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, bị đơn ông BĐ2, bà BĐ phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 30 chỉ vàng 24k x 5.400.000 đồng/chỉ x 5% = 8.100.000đ. Nguyên đơn bà NĐ không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 466, 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Tuyên xử:

1- Buộc ông Nguyễn Văn BĐ2 và bà Tống Thị BĐ trả cho bà Nguyễn Thị NĐ số vàng gốc là 30 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999.

2- Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Văn BĐ2, bà Tống Thị BĐ chịu 8.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị ND số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ nộp tại biên lai thu số 0006290 ngày 22-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23-3-2022). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công